

Các mô hình nhà nước ở châu Âu - Trường hợp mô hình nhà nước phúc lợi xã hội Thụy Điển

Phạm Thị Thanh Bình^(*)

Tóm tắt: Bài viết khái quát các mô hình nhà nước ở châu Âu và tập trung phân tích các đặc trưng cơ bản của mô hình nhà nước phúc lợi xã hội Thụy Điển, những thành tựu của mô hình Thụy Điển và nhân tố tác động, từ đó rút ra một số nhận xét mang tính gợi ý cho Việt Nam.

Từ khóa: Mô hình nhà nước, Mô hình nhà nước phúc lợi xã hội, Châu Âu, Thụy Điển

Abstract: The paper summarizes state models in Europe with a focus on analyzing basic characteristics, achievements and challenges of the Swedish Welfare State, and thereby makes some suggestive remarks for Vietnam.

Keywords: State Models, Welfare State, Europe, Sweden

Mở đầu

Châu Âu có 4 mô hình nhà nước gồm: 1) Mô hình nhà nước Bắc Âu; 2) Mô hình các nước Nam Âu; 3) Mô hình lục địa; 4) Mô hình Anglo-Saxon (Mô hình Anh-British) (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2013).

Trong số 4 mô hình nhà nước của châu Âu, mô hình Bắc Âu mà đại diện là mô hình nhà nước phúc lợi xã hội (welfare state) Thụy Điển nhấn mạnh vai trò của nhà nước nhiều nhất. Với một nền kinh tế đa dạng, có sức cạnh tranh cao và thành công, Thụy Điển được xem là quốc gia có sức cạnh tranh xếp thứ 7 trên thế giới (World Economic Forum, 2018). Thụy Điển có nền

kinh tế mở và tiếp cận thương mại tự do nhờ mô hình nhà nước phúc lợi xã hội.

1. Khái quát về các mô hình nhà nước ở châu Âu

Sự gắn kết giữa phát triển xã hội (thể hiện ở sự công bằng) với phát triển kinh tế (thể hiện ở sự tăng trưởng và tính cạnh tranh) là nền tảng của sự phân chia 4 loại mô hình phát triển ở châu Âu. Có thể khái quát về 4 mô hình này ở những đặc điểm sau (Xem thêm: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2013):

Mô hình Bắc Âu (Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy và Phần Lan): Với chính sách phân bổ của cải công bằng giữa các tầng lớp xã hội giúp thu hẹp khoảng cách trong giáo dục, y tế, dịch vụ và cơ hội phát triển giữa người giàu và người nghèo, các nước Bắc Âu đã thành công trong việc xây dựng được mô hình xã hội có độ tin cậy cao giữa

^(*) PGS.TS., Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: phamthanhbinh297@yahoo.com.vn

con người và giữa người dân với chính phủ (<https://fulbright.edu.vn/vi/thay-doi-trong-mo-hinh-xa-hoi-bac-au/>). Các quốc gia Bắc Âu luôn ở nhóm đầu trên bảng xếp hạng ở tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế, y tế đến chỉ tiêu về hạnh phúc (đánh giá về mức độ thịnh vượng). Mô hình Bắc Âu đã thu hút sự chú ý của thế giới, tương tự như mô hình kinh tế Nhật Bản những năm 1980. Những năm gần đây, các nước Bắc Âu thực hiện những cải cách mạnh mẽ về dịch vụ công cộng. Đan Mạch và Na Uy cho phép các công ty tư nhân điều hành các bệnh viện công. Thụy Điển có hệ thống giáo dục mà ở đó các trường học tư nhân cạnh tranh mạnh với các trường công lập. Chính phủ Thụy Điển cung cấp cho người dân các dịch vụ phúc lợi trọn đời, từ lúc lọt lòng cho đến khi qua đời.

Mô hình các nước Nam Âu (các nước Địa Trung Hải) bao gồm các quốc gia nằm trên bán đảo Iberia (Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha), bán đảo Italia (Italia, Hy Lạp và Malta), các quốc gia vùng Balkan của Đông Nam Âu. Đi sau Bắc Âu nên trọng tâm của Nam Âu là đuổi kịp các nước phát triển Bắc Âu, vì vậy các nguồn lực ưu tiên nhiều cho phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và xây dựng cơ sở hạ tầng. Phúc lợi xã hội của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha chỉ dừng ở mức độ vừa phải. Các nước Nam Âu coi trọng quyền được làm việc và một phần an sinh xã hội, tập trung cho người nghèo và đấu tranh chống đói nghèo.

Mô hình lục địa (Pháp, Đức, Bỉ, điển hình là Đức): Đức nhấn mạnh vai trò của nhà nước (chỉ đứng sau mô hình Thụy Điển), các dịch vụ xã hội ở Đức chủ yếu do nhà nước thực hiện. Ở Đức có sự phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội tham gia quản lý thực hiện các dịch vụ xã hội. Nhà nước Đức có

mức độ bao phủ khá rộng tới các đối tượng dân chúng với mức chi trả khá cao trong các chương trình bảo hiểm xã hội. Giáo dục và đào tạo chủ yếu là qua các cơ sở công lập, miễn học phí hoặc mức học phí rất thấp. Mô hình này gây ra sự thụ động cho người lao động do trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Chính phủ.

Mô hình Anglo-Saxon (Mô hình Anh-British) - tiêu biểu là Anh. Đặc trưng của mô hình này là phát triển thị trường tự do, cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. So với các nền kinh tế châu Âu khác, Anh gặt hái được nhiều thành công nhờ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh, tăng tính năng động xã hội; khu vực tư nhân tham gia mạnh mẽ vào cung cấp các dịch vụ xã hội. Mô hình phát triển xã hội Anh đã tránh được vấn đề thụ động và ỷ lại của người dân vào nhà nước - điều này khác với hai mô hình của Thụy Điển và Đức. An sinh xã hội ở Anh không mang tính phổ cập để bảo hộ cho toàn thể công dân, mà tập trung nhiều vào những người nghèo và người yếu thế trong xã hội, mức độ cứu trợ chỉ mang tính chất tối thiểu chứ không tràn lan, chồng chéo như ở nhiều nước Bắc Âu khác, các tiêu chí phân phối an sinh xã hội không bị trùng lặp.

2. Mô hình nhà nước phúc lợi xã hội Thụy Điển

Thụy Điển thực hiện mô hình kinh tế thị trường “xã hội phúc lợi” từ những năm 1930. Mô hình nhà nước phúc lợi xã hội Thụy Điển được xây dựng dựa trên lý thuyết “ngôi nhà chung cho mọi người” của phái xã hội - dân chủ mà đại diện là cựu Thủ tướng Thụy Điển P.A. Hanson. Mô hình nhà nước phúc lợi xã hội Thụy Điển có sự kết hợp hài hòa giữa mở rộng phúc lợi xã hội với phát triển kinh tế thị trường tự nhân. Thực hiện mô hình nhà nước phúc

lợi xã hội, Thụy Điển đã đạt được những thành công nhất định, từ một trong những nước nghèo nhất đã trở thành một trong những quốc gia giàu nhất châu Âu.

Thụy Điển xây dựng một nhà nước phúc lợi tiên tiến với mức độ cao những người có việc làm trong khối công cộng, hệ thống phúc lợi xã hội mang tính phổ quát cho tất cả mọi người, các dịch vụ công rộng rãi, thuế cao, tỷ lệ nghèo thấp, cơ cấu thị trường lao động mang tính nghiệp đoàn (Kangas & Palme, 2005: 12).

Vai trò của Nhà nước gắn kết chặt chẽ với mức độ, phạm vi của các dịch vụ xã hội. An sinh xã hội (từ giáo dục, y tế đến phúc lợi) được phân bổ rộng rãi, tiêu chí không chặt chẽ, nghĩa là mọi người dân đều được đảm bảo các lợi ích và dịch vụ an sinh xã hội cơ bản với mức phí hợp lý hoặc miễn phí.

Phúc lợi xã hội ở Thụy Điển ở mức nhiều nhất thế giới. Ngoài bốn loại bảo hiểm lớn được pháp luật quy định (như các nước Tây Bắc Âu khác) là bảo hiểm hưu trí dưỡng lão¹, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp², bảo hiểm tai nạn lao động, còn có nhiều loại hình phúc lợi xã hội khác...

Mô hình “nhà nước phúc lợi xã hội” Thụy Điển đã đạt được thành tựu nổi bật về sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Nhà nước phúc lợi xã hội cho phép thị trường tự do phát huy sức mạnh để

mở rộng sản xuất. Mô hình Thụy Điển coi trọng vai trò của kinh tế thị trường để đạt được sự phát triển kinh tế, thu được nhiều lợi nhuận, khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường để thực hiện công bằng xã hội.

Thụy Điển đã tái thiết lại quản trị kinh tế bằng một loạt các quy định sáng tạo. Nhà nước đã đưa ra mức trần cho chi tiêu của Chính phủ và bổ sung “mục tiêu thặng dư” cho ngân sách của Chính phủ, giúp đảm bảo các khoản nợ lớn không được tích lũy và không được chuyển cho các thế hệ tương lai. Hội đồng Chính sách Tài khóa Thụy Điển (the Swedish Fiscal Policy Council) có nhiệm vụ kiểm tra các quyết định chính sách của Chính phủ liên quan đến tài chính công nhằm đảm bảo phù hợp với các mục tiêu tăng trưởng, vấn đề tạo việc làm và sự bền vững tài chính dài hạn. Mặc dù phần lớn các chính phủ châu Âu có thâm hụt ngân sách lớn đều thực hiện các biện pháp khắc khổ bằng cách tăng thuế và cắt giảm chi tiêu công, nhưng Thụy Điển đã tránh được những khó khăn này. Trên thực tế, thuế ở Thụy Điển đã giảm xuống kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Thụy Điển vẫn tiếp tục đầu tư vào các lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe, giáo dục và nghiên cứu, thay vì phải cắt giảm đáng kể ở các khu vực này như một số quốc gia châu Âu khác đã làm. Nhờ đầu tư hiệu quả cho giáo dục, cho trẻ em và thị trường lao động, thâm hụt ngân sách của Thụy Điển luôn thấp hơn các mô hình xã hội châu Âu khác. Từ cuối thập niên 1990 đến nay, Thụy Điển luôn đạt thặng dư ngân sách trong khi các nước châu Âu khác tiếp tục thâm hụt³ (Thu Thảo, 2017).

¹ Người lao động về hưu được định kỳ nhận lương hưu với mức đủ sống, người già yếu không tự lo được cuộc sống thì có thể vào viện dưỡng lão của Nhà nước, được chăm sóc y tế miễn phí, điều kiện sống tại đây tương đương với khách sạn 3 sao ở Thụy Điển.

² Nếu người lao động thất nghiệp, họ được định kỳ nhận tiền trợ cấp thất nghiệp, được các trung tâm giới thiệu việc làm của Nhà nước miễn phí giới thiệu việc làm trong phạm vi toàn quốc. Nếu nơi làm việc mới cách xa chỗ ở hiện tại, Nhà nước có thể giúp một phần kinh phí chuyển nhà.

³ Trung bình, ngân sách EU thâm hụt khoảng 1,6% GDP, còn Mỹ khoảng 5,7% GDP năm 2016 (Thu Thảo, 2017).

Nhà nước Thụy Điển đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển đất nước, nổi bật là:

Thứ nhất, tiếp cận tốt lao động lành nghề và xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà tuyển dụng và nhân viên. Thụy Điển có nguồn cung lao động có trình độ học vấn cao. Chính phủ có những tiêu chí rõ ràng để đánh giá mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động. Đầu tư cho dạy nghề ở Thụy Điển cao hơn trong bất kỳ quốc gia nào trong EU. Thụy Điển nằm trong nhóm 10 nước có mức lương cao nhất thế giới.

Thứ hai, sự tái điều chỉnh của nhà nước giúp tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Thụy Điển không thực hiện những cải cách gây sốc như các nước Đông Âu áp dụng (thực hiện cải cách thuế) sau năm 1989 (năm xây dựng và phát triển cơ chế một cửa quốc gia), mà tập trung vào điều chỉnh dần dần chi tiêu của Chính phủ. Mặc dù thuế đánh vào những người giàu nhất được giảm xuống, nhưng Thụy Điển không bãi bỏ trách nhiệm xã hội cho các doanh nghiệp. Giai đoạn 1980-1990 là quãng thời gian dỡ bỏ kiểm soát và giảm các rào cản thương mại do Thụy Điển gia nhập EU. Điều này dẫn đến cạnh tranh gia tăng và tăng năng suất đáng kể, đặc biệt là trong ngành bán lẻ, viễn thông và ngân hàng.

Chính phủ giảm bớt một số quy định cứng nhắc đối với một số lĩnh vực, bán bớt cổ phần của Nhà nước trong các doanh nghiệp lớn, tư nhân hóa ngành giáo dục. Vai trò của Nhà nước tại Ngân hàng Trung ương cũng được giảm bớt. Nhà nước đầu tư tích cực cho cơ sở hạ tầng với chương trình đầu tư 10 năm, hướng tới những công trình ít tốn năng lượng nhưng hiệu quả và chất lượng hơn là việc tiết kiệm chi phí. Kế hoạch đầu tư công phu cho cơ sở

hạ tầng đã đem lại hiệu quả lớn khi ngành xây dựng đạt doanh thu 50 tỷ Euro hằng năm (B.T., 2017).

Thứ ba, các công ty đa quốc gia ở Thụy Điển hoạt động rất thành công. Các công ty lớn chiếm tỷ trọng cao trong ngành công nghiệp Thụy Điển. Trong giai đoạn 1993-2010, khoảng 10 nhà sản xuất lớn nhất của Thụy Điển chiếm 35% tăng trưởng trong ngành chế tạo và thậm chí nhiều hơn nếu tính cả những đóng góp từ các nhà thầu phụ. Trong khi 50 công ty lớn nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Stockholm đã tạo ra tổng lợi nhuận hằng năm cho các cổ đông khoảng 17%, so với 11% ở Hoa Kỳ và 12% ở Đức (K. Nguyễn, 2017). Nguyên nhân là do các công ty Thụy Điển tham gia vào môi trường kinh doanh toàn cầu sớm và được hưởng lợi từ sự phát triển nhanh trong thương mại quốc tế, có lợi thế về công nghệ đáng kể so với các công ty ở các nền kinh tế mới nổi, tập trung đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, được tiếp cận tốt với lao động lành nghề. Thêm nữa, các công ty đa quốc gia có khả năng cải thiện năng suất hơn so với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ tư, nền tảng kinh tế và chính trị được hình thành vào những năm 1990 phát triển mạnh. Sau cuộc khủng hoảng tài chính vào đầu những năm 1990, một số cải cách kinh tế và chính trị quan trọng được Thụy Điển thực hiện, bao gồm: cải cách thuế toàn diện, cải cách lương hưu và khung chính sách tài chính nghiêm ngặt với mục tiêu thặng dư và hạn chế chi tiêu của Chính phủ. Cải cách kinh tế đã giúp tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế. Thụy Điển đang thay đổi mô hình kinh tế theo hướng “nhà nước đầu tư xã hội”. Mức chi tiêu của Chính phủ/đầu người càng cao thì số lượng doanh

ngiệp khởi nghiệp/ người lao động có xu hướng càng nhỏ, bởi thuế thu nhập cao làm giảm lợi nhuận mong đợi của các công ty cũng như động lực để họ phát triển thêm các công ty mới. Tuy nhiên, Thụy Điển, với dân số khoảng 10 triệu người, là một trường hợp ngoại lệ, khi thúc đẩy được sự hình thành của các doanh nghiệp mới đầy tham vọng. Thụy Điển có 20 doanh nghiệp khởi nghiệp (công ty có tối đa 3 năm hoạt động với trên 1.000 nhân viên, so với chỉ 5 doanh nghiệp khởi nghiệp ở Mỹ) (K. Nguyễn, 2017). Thụy Điển cũng xếp hạng cao nhất trong các quốc gia phát triển về khả năng nhận thức cơ hội. Khoảng 65% người Thụy Điển trong độ tuổi từ 18 - 64 có cơ hội tốt để thành lập công ty nơi họ sinh sống, so với chỉ 47% người Mỹ cùng nhóm tuổi. Tốc độ các công ty mới ra đời ở Thụy Điển đã tăng lên nhanh chóng kể từ những năm 1990 (K. Nguyễn, 2017).

Có thể kể đến 6 nhân tố then chốt giúp Chính phủ Thụy Điển thành công, đó là (Xem thêm: Carlson, 2016):

Một là, Thụy Điển theo mô hình chủ nghĩa tự do và trọng người tài từ rất sớm. Năm 1840, Thụy Điển đã bãi bỏ các ưu tiên cho tầng lớp quý tộc vào các chức danh của Nhà nước và tạo ra một dịch vụ dân sự trọng dụng người tài, không có tham nhũng. Trường phái ủng hộ thị trường tự do luôn có những vị trí chủ chốt trong Chính phủ. Sự phân bổ nguồn lực theo các quy luật của thị trường tự do được tận dụng tối đa, các doanh nghiệp tư nhân có quyền cạnh tranh bình đẳng với các nhà cung cấp, các doanh nghiệp của Chính phủ.

Hai là, thực hiện hiệu quả các cuộc cải cách thể chế. Thụy Điển hướng tới sự phát triển thịnh vượng, bắt đầu với những cải cách về thể chế, tạo ra sự thịnh vượng cho quyền lực của chủ nghĩa tư bản: Khuyến

khích cải cách ruộng đất, quyền sở hữu, các biện pháp chống tham nhũng thành công và cải cách thương mại tự do. Những cuộc cải cách đã góp phần thúc đẩy sự thịnh vượng và bình đẳng. Cuộc cải cách về giới (năm 1864) cho phép nữ giới kinh doanh trên cơ sở bình đẳng với nam giới. Cải cách giáo dục (những năm 1840 và 1950) đã giúp tạo ra sự phân bố vốn con người bình đẳng hơn, do đó tạo được bình đẳng thu nhập từ lao động. Những năm 1850, Thụy Điển cũng có các khoản đầu tư công lớn vào đường sắt và kênh rạch. Trong năm 1910, Chính phủ Thụy Điển và Đảng cánh hữu đã đưa ra nhiều chương trình bảo hiểm xã hội.

Ba là, tính thực tế và ý chí sắt đá là nền tảng tạo ra một chính phủ minh bạch và trung thực. Khi phát hiện ra sự không phù hợp giữa chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội thì cả hệ thống chính trị ở Thụy Điển được huy động để tìm giải pháp và điều chỉnh hợp lý. Các đồng thuận mới có thể thay thế những nguyên tắc cũ, lỗi thời một cách dễ dàng. Thụy Điển liên tục cập nhật và điều chỉnh mô hình phát triển. Thay vì kinh doanh hay làm việc ở khu vực tư nhân như một số quốc gia khác, những người tài ở Thụy Điển đã vào làm việc tại khu vực nhà nước. Đây được xem là vinh dự của người dân Thụy Điển.

Bốn là, Thụy Điển sử dụng vốn xã hội hợp lý giúp làm giảm chi phí giao dịch, đó chính là sự tin tưởng vào người lao động và niềm tin vào các quyền tự do cá nhân. Đây là vốn xã hội rất quý giá. Vốn xã hội giúp giảm thiểu đáng kể các chi phí giao dịch - rào cản rất lớn làm giảm hiệu quả phát triển kinh tế.

Năm là, tự chủ cá nhân là một trong những yếu tố then chốt mang lại thành công cho Thụy Điển. Vai trò của Nhà nước Thụy Điển là thúc đẩy quyền tự chủ cá nhân và

sự vận động của xã hội. Các chính sách của Chính phủ được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho mỗi cá nhân có sự tự chủ cao nhất và ít phụ thuộc vào người khác nhất. Ví dụ, chính sách giáo dục của Chính phủ khuyến khích giảng viên và sinh viên có tư duy độc lập và phát triển kiến thức theo cách riêng của mình. Người dân Thụy Điển chăm chỉ làm việc bởi thuế cao nhưng phúc lợi xã hội hào phóng.

Sáu là, có sự đồng thuận cao trong các quyết định chính trị của Chính phủ. Yếu tố khác nữa tạo nên sự khác biệt của Thụy Điển với các quốc gia khác là mức độ đồng thuận cao của Chính phủ trong việc ra quyết định chính trị.

3. Một số nhận xét và kết luận

Các mô hình phúc lợi xã hội châu Âu mang đặc điểm chung là bảo đảm mức phúc lợi tối đa cho mỗi người dân tùy theo điều kiện mỗi nước. Tuy thực hiện theo những cách khác nhau nhưng điểm chung là đều hướng tới bảo đảm đạt được mức tăng trưởng kinh tế đủ cao để tạo cơ sở vật chất cho phân phối công bằng của cải đã sản xuất ra.

Với điều kiện thực tế hiện nay, Việt Nam có thể học hỏi mô hình phát triển xã hội ở Bắc Âu mà đại diện là Thụy Điển, đặc biệt ở khía cạnh mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế. Thành công của Thụy Điển chính là ở chỗ tôn trọng các quy luật của thị trường, tôn trọng tự do của các cá nhân và một nhà nước hữu hiệu vì lợi ích của người dân. Từ kinh nghiệm của Thụy Điển, có thể thấy, việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội là cần thiết, và phải có được sự đồng thuận của xã hội. Nghĩa là, tất cả mọi người có thu nhập đều phải đóng góp vào quỹ an sinh xã hội, chỉ những người gặp khó khăn mới được hỗ trợ. Muốn vậy,

phải tạo dựng niềm tin và duy trì tính minh bạch của hệ thống an sinh xã hội và chống tham nhũng. Tạo dựng lòng tin là điều kiện cần để mọi người tự giác đóng góp xây dựng hệ thống an sinh xã hội. Tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội gắn bó chặt chẽ với nhau. Việc tiếp thu kinh nghiệm của Thụy Điển ít nhiều sẽ giúp ích cho Việt Nam trong vấn đề này □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2013), *Về mô hình phát triển xã hội của châu Âu*, <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=19564>
2. B.T. (2017), *Vì sao Thụy Điển là quốc gia có môi trường kinh doanh tốt nhất thế giới 2016?*, <http://cafebiz.vn/vi-sao-thuy-dien-la-quoc-gia-co-moi-truong-kinh-doanh-tot-nhat-the-gioi-2016-20170517164400535.chn>
3. Carlson, B. (2016), "The Swedish Welfare State Model", *Social Science Spectrum*, Vol 2, No 4, December.
4. Kangas, O. & Palme, J. (eds., 2005), *Social policy and economic development in the Nordic countries*, Palgrave Macmillan, Basingstoke.
5. K. Nguyễn (2017), *Điều gì khiến Thụy Điển trở thành thiên đường cho các startup?*, <http://cafef.vn/dieu-gi-khien-thuy-dien-tro-thanh-thien-duong-cho-cac-startup-20171015075605822.chn>
6. Thu Thảo (2017), *Thụy Điển thành công nhờ thuế cao như thế nào?*, <https://thanhnien.vn/tai-chinh-kinh-doanh/thuy-dien-thanh-cong-nho-thue-cao-nhu-the-nao-833004.html>
7. *Thay đổi trong mô hình xã hội Bắc Âu*, <https://fulbright.edu.vn/vi/thay-doi-trong-mo-hinh-xa-hoi-bac-au/>